

Số: 401./TB-ĐHDL

Hà Nội, ngày 13.. tháng.. 3. năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc Tổ chức thi Đánh giá năng lực Tiếng Trung, Tiếng Nhật đợt thi ngày 15 tháng 3 năm 2024

Căn cứ thông báo số 165/TB-ĐHDL ngày 21/1/2024 về việc tổ chức thi đánh giá năng lực Tiếng Trung, Tiếng Nhật tại Trường Đại học Điện lực, Nhà trường thông báo lịch tổ chức thi đánh giá năng lực Tiếng Trung, Tiếng Nhật cụ thể như sau:

1. Thời gian tổ chức thi:

Ngày 15 tháng 3 năm 2024: Từ 8h ngày 15 tháng 3 năm 2024

2. Hình thức thi: Thực hiện theo Đề án đánh giá năng lực Tiếng Trung, Tiếng Nhật tại trường Đại học Điện lực.

3. Danh sách thí sinh dự thi:

Danh sách thi ĐGNL Tiếng Trung: File đính kèm. (Tổng số 32 thí sinh).

Danh sách thi ĐGNL Tiếng Nhật: File đính kèm. (Tổng số 25 thí sinh).

4. Lưu ý với thí sinh tham gia thi:

- Thí sinh phải có mặt đúng giờ và theo sự điều phối của cán bộ coi thi để tham gia thi các kỹ năng.

- Thí sinh dự thi cần xuất trình các giấy tờ sau: Thẻ sinh viên hoặc căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân (Các giấy tờ trên cần đảm bảo còn hiệu lực, hình ảnh rõ ràng để kiểm tra). Không mang vào phòng thi các vật dụng, thiết bị không được phép theo Quy định. Thí sinh tự bảo quản vật dụng cá nhân trong suốt thời gian thi./.

Nơi nhận:

- Q.HT (để báo cáo);
- Các Phó HT (phối hợp);
- Khoa NN, Hội đồng ĐGNLNN;
- Web trường; sinhvien.epu.edu.vn.
- Lưu: VT, KT&ĐBCL, DUONGTN(02).

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KT&ĐBCL
P. TRƯỞNG PHÒNG



Đoàn Thanh Bình

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐGNL TIẾNG TRUNG

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Mã SV
1	TT22201	ĐỖ PHƯƠNG	ANH	25/01/2001	20810720037
2	TT22202	TRẦN THỊ HỒNG	ANH	28/10/2002	20810850080
3	TT22203	NGUYỄN BẢO	CHÂU	15/02/2001	19810620030
4	TT22204	TRẦN TUẤN	ĐẠT	04/05/2000	19810410014
5	TT22205	PHAN TIẾN	DŨNG	22/04/2001	19810110059
6	TT22206	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	03/10/2001	19810720059
7	TT22207	NGUYỄN VĂN	HOÀ	07/07/2002	20810610261
8	TT22208	NGUYỄN VĂN	HÙNG	09/05/2001	19810550168
9	TT22209	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	16/05/2002	20810000474
10	TT22210	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	17/04/2002	20810850006
11	TT22211	HÀ THANH	HUYỀN	24/07/2000	18810230015
12	TT22212	ĐẬU QUỐC	KHẢI	19/02/2000	18810230022
13	TT22213	ĐÀO HOÀNG	LAN	13/04/2003	21810710280
14	TT22214	NGUYỄN DUY	LINH	22/12/2000	18810340228
15	TT22215	PHẠM THỊ THÙY	LINH	20/11/2002	20810850017
16	TT22216	VŨ KHÁNH	LINH	09/10/2003	21810710382
17	TT22217	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	08/02/2003	21810810285
18	TT22218	NGUYỄN VĂN	NGỌC	28/03/2001	19810420105
19	TT22219	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	12/01/2001	20810000032
20	TT22220	TRẦN THỊ THU	PHƯƠNG	26/08/2002	20810620020
21	TT22221	NGUYỄN NGỌC	QUYÊN	21/11/2002	20810000113
22	TT22222	LÊ THU	QUỲNH	12/05/2002	20810000438
23	TT22223	PHẠM QUANG	SAN	26/08/2001	19810430113
24	TT22224	BÙI HỒNG	SƠN	20/09/1999	1781410362
25	TT22225	ĐỖ THỊ KHÁNH	TÂM	24/05/2002	20810830198
26	TT22226	PHAN VĂN	THÁI	09/01/2001	19810660057
27	TT22227	PHAN THỊ	THẢO	14/08/2000	18810340148
28	TT22228	HÀ THỊ	THÚY	08/02/1999	1781810173
29	TT22229	NGÔ THỊ MAI	THÙY	27/08/2002	20810810097
30	TT22230	LÊ THỊ THU	TRÀ	14/01/2002	20810810098
31	TT22231	NGUYỄN VĂN	TRONG	15/11/2000	18810620055
32	TT22232	ĐẶNG HẢI	YÊN	03/5/2002	20810810047

Danh sách gồm : 32 thí sinh



DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐGNL TIẾNG NHẬT

STT	SBD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	MSV
1	TN02101	HOÀNG VIỆT	ANH	07/02/2003	21810430445
2	TN02102	LÊ THỊ LAN	ANH	02/06/2003	21810710227
3	TN02103	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	02/02/2002	20810000449
4	TN02104	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	21/4/2000	20810540015
5	TN02105	TRẦN HẢI	ĐĂNG	04/04/2001	19810610093
6	TN02106	TRẦN BÌNH	DƯƠNG	08/04/2001	19810000162
7	TN02107	PHẠM TRỌNG	HIỂU	30/08/2002	21810430493
8	TN02108	TRẦN THỊ HẢI	HỒNG	30/07/2003	21810720270
9	TN02109	LÊ THỊ KHÁNH	HUYỀN	14/01/2003	21810810291
10	TN02110	LƯU QUỐC	KHÁNH	25/02/2001	19810430068
11	TN02111	LÊ THỊ KIM	LÂN	14/12/2001	19810710203
12	TN02112	NGUYỄN THÙY	LINH	01/04/2003	21810230004
13	TN02113	PHẠM VĂN	LỮU	27/4/2001	19810430353
14	TN02114	NGUYỄN TIẾN	NAM	26/06/2001	19810000089
15	TN02115	TRẦN HỮU	PHƯỚC	24/03/2001	19810000068
16	TN02116	ĐẶNG MAI	PHƯƠNG	06/01/2003	21810810224
17	TN02117	HOÀNG ĐÌNH	QUANG	20/02/2001	19810000062
18	TN02118	NGUYỄN VĂN	TÀI	21/01/2001	19810430190
19	TN02119	ĐẶNG THẾ	THÁI	13/01/2001	19810410208
20	TN02120	NGUYỄN VĂN	THẮNG	28/9/2001	19810000065
21	TN02121	NGUYỄN THỊ	TRANG	29/09/2003	21810710405
22	TN02122	NGUYỄN THỊ HIỀN	TRANG	08/11/2003	21810810244
23	TN02123	DƯƠNG THÀNH	TRUNG	03/11/2001	19810430358
24	TN02124	NGUYỄN TƯỜNG	TRƯỜNG	22/03/2001	19810610005
25	TN02125	NGUYỄN TRƯỜNG	VĂN	18/12/2003	21810440675

Danh sách gồm : 25 thí sinh